

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18-01-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Phương và ông Nguyễn Văn Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2021/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/TB-TA ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1971; cư trú tại: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/12/2021, lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Hà Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương vào tháng 10 năm 1993. Đến ngày 16/12/2002 thì cả hai đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã M), huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, được khoảng 01 năm thì hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do quan điểm, cách sống không hợp nhau, chị

Hoàng Thị L coi thường anh, xúc phạm anh không có việc làm, đốt quần áo của anh và đập phá nhà cửa, đuổi anh ra khỏi nhà. Anh đã báo Công an thôn và Công an xã việc chị Hoàng Thị L đốt quần áo của anh. Chị Hoàng Thị L cho rằng anh có quan hệ ngoài luồng là không đúng, không có căn cứ. Việc mâu thuẫn của anh và chị đã được hai bên gia đình hàn gắn nhưng chị Hoàng Thị L vẫn thường xuyên xúc phạm anh. Đến cuối năm 2019 thì anh chị mặc dù sống chung một nhà nhưng đã ly thân, không quan tâm, hỏi thăm nhau, khác ăn riêng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Hoàng Thị L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là Hà Trung T, sinh ngày 18/5/1995 đã trưởng thành và phát triển bình thường và cháu Hà Thị Anh T, sinh ngày 01/9/2008. Điều sống cùng bố mẹ, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị Anh T, sinh ngày 01/9/2008 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu chị Hoàng Thị L cấp dưỡng nuôi con chung là 745.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh làm ruộng và cạo nhựa thông thu nhập bình quân là 8.000.000 đồng/tháng và có chỗ ở ổn định. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2022, thực hiện trước ngày 15 hàng tháng. Anh không yêu cầu chị Hoàng Thị L phải chịu lãi suất chậm trả trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh rút yêu cầu chia tài sản chung là số tiền tiết kiệm khoảng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện L. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Hoàng Thị L vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2021, trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn anh Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn Đ trước khi kết hôn được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán địa phương năm 1993. Chị và anh Hà Văn Đ đã đăng ký kết hôn. Sau kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, thỉnh thoảng vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhỏ, nói nhau, lời qua tiếng lại, nói xong thì thôi vẫn thương yêu nhau bình thường. Đến năm 2020 chị phát hiện anh nhắn tin cho người phụ nữ khác qua mạng xã hội Zalo, chị xóa zalo của người phụ nữ là bạn anh Hà Văn Đ đi, nên anh Hà Văn Đ túm tóc tát vào mặt chị. Chị cảm nhận anh Hà Văn Đ có người phụ nữ khác ở ngoài, vì mỗi tuần anh đi qua đêm hai lần không về nhà ngủ, anh hay đi đêm về khuya, chị biết anh có người phụ nữ khác, chị biết anh nhắn tin và quay vì đeo điện thoại nói chuyện với người phụ nữ đó, ngoài ra chị không có chứng cứ gì nộp cho Tòa, chị vẫn thương yêu anh Hà Văn Đ bình thường vẫn vun đắp hạnh phúc gia đình. Chị và anh Hà Văn Đ đã ly thân được khoảng 02 tháng nay, lý do anh Hà Văn Đ có người phụ nữ khác nên mới xảy ra cãi vã, chị cũng nhận thấy cuộc sống giữa hai người từ đó không hạnh phúc nữa. Chị không muốn gia đình

tan vỡ ảnh hưởng đến sự phát triển của các con, chị muốn các con có đủ bố và mẹ, các con bị xấu mặt với xã hội. Chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị vẫn yêu thương anh Hà Văn Đ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Hà Trung T, sinh ngày 18/5/1995 đã trưởng thành và phát triển bình thường và cháu Hà Thị Anh T, sinh ngày 01/9/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị Anh T, sinh ngày 01/9/2008 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hiện nay chị là giáo viên đang công tác tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mỗi tháng có thu nhập khoảng 13.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng. Chị yêu cầu anh Hà Văn Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Hà Văn Đ không yêu cầu giải quyết chị cũng nhất trí, không có ý kiến gì.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, thủ tục phiên tòa được thực hiện đúng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đã có biên bản lấy lời khai thể hiện ý kiến về các vấn đề và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa triệu tập hợp lệ, nguyên đơn có mặt, bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng quyết định tiếp tục xét xử đảm bảo đúng quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 16/12/2002, vì vậy xác định hôn nhân là hợp pháp, trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị Hoàng Thị L đã biết và nhận các văn bản tố tụng, chị Hoàng Thị L cho rằng do còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn, đề nghị giải quyết vắng mặt, đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Điều đó thể hiện chị Hoàng Thị L không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy việc anh Hà Văn Đ xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L có 02 con chung là Hà Trung T, sinh ngày 18/5/1995 đã trưởng thành và phát triển bình thường và cháu Hà Thị Anh T, sinh ngày 01/9/2008; từ khi ly thân cháu Hà Thị Anh T sống chung với anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L; anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L đều yêu cầu sau khi ly hôn thì được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Thị Anh T. Tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của con chung có mặt anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L, cháu Hà Thị Anh T khẳng định nguyện vọng của mình là được sống cùng anh Hà Văn Đ, không bị ai ép buộc phải khai như vậy. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là Hà Thị Anh T, sinh ngày 01/9/2008 cho anh Hà Văn Đ là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại phiên tòa anh Hà Văn Đ yêu cầu chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi năm nghìn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2022 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), thời hạn cấp dưỡng trước ngày 15 hàng tháng không yêu cầu chị Hoàng Thị L phải chịu lãi suất chậm trả trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, việc yêu cầu là phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về tài sản chung do anh Hà Văn Đ rút yêu cầu nên đề nghị đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Anh Hà Văn Đ được miễn án phí ly hôn, án phí chia tài sản chung; chị Hoàng Thị L được miễn án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là phiên tòa lần thứ 2, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Hoàng Thị L, cư trú tại Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo nguyên đơn là anh Hà Văn Đ xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không hiểu nhau, thường xuyên cãi cọ, bất đồng quan điểm, chị Hoàng Thị L đập phá nhà cửa, đốt quần áo của anh 02 lần, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay và bị đơn là chị Hoàng Thị L cũng xác định vợ chồng sống hạnh phúc, có lời qua tiếng lại nhưng vẫn yêu thương nhau, vợ chồng đã ly thân được 02 tháng nay, không có hạnh phúc lý do anh Hà Văn Đ có người phụ nữ khác nhưng chị xác định vẫn yêu thương anh Hà Văn Đ,

không muốn ly hôn để cùng nuôi dạy con cái. Hội đồng xét xử nhận thấy anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L đều xác định vợ chồng đã sống ly thân, chị Hoàng Thị L xác định sống không hạnh phúc, chị cho rằng do anh Hà Văn Đ có quan hệ ngoài luồng nhưng cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh và cũng không được anh Hà Văn Đ thừa nhận. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân phải xuất phát tình cảm từ cả hai phía, anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mặc dù chị Hoàng Thị L mong muốn về đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh Hà Văn Đ không chấp nhận đề nghị đoàn tụ của chị Hoàng Thị L. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L có 02 con chung là Hà Trung T, sinh ngày 18/5/1995 đã trưởng thành và phát triển bình thường và cháu Hà Thị Anh T, sinh ngày 01/9/2008; từ khi ly thân cháu Hà Thị Anh T sống chung với anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L; anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L đều yêu cầu sau khi ly hôn thì được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Thị Anh T. Tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của con chung có mặt anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L, cháu Hà Thị Anh T khẳng định nguyện vọng của mình là được sống cùng anh Hà Văn Đ, không bị ai ép buộc phải khai như vậy. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là Hà Thị Anh T, sinh ngày 01/9/2008 cho anh Hà Văn Đ là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Hà Văn Đ yêu cầu chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi năm nghìn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2022 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), thời hạn cấp dưỡng trước ngày 15 hàng tháng. Chị Hoàng Thị L không phải chịu lãi suất chậm trả trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Căn cứ vào mức lương cơ sở do Nhà nước quy định hiện nay là 1.490.000 đồng (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng)/tháng. Với yêu cầu cấp dưỡng, thời hạn cấp dưỡng của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn có yêu cầu chia tài sản chung là chia đôi số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện L, tỉnh Lạng Sơn số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*) mang tên chị Hoàng Thị L, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Hà Văn Đ tự nguyện rút yêu cầu. Do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh Hà Văn Đ được miễn án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung. Chị Hoàng Thị L được miễn án phí cấp dưỡng nuôi con do là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí. Do vậy miễn án phí cho anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn Đ được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 28, đăng ký ngày 16/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã M (trước kia là xã H), huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao con chung là Hà Thị Anh T, sinh ngày 01/9/2008 cho anh Hà Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 02/2022 và thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thực hiện trước ngày 15 hàng tháng. Chị Hoàng Thị L không phải chịu lãi suất chậm trả trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh Hà Văn Đ không yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con sau này. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Hoàng Thị L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung:

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Hà Văn Đ số tiền khoảng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện L do anh Hà Văn Đ rút yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Hà Văn Đ được miễn án phí ly hôn sơ thẩm, án phí chia tài sản chung. Chị Hoàng Thị L được miễn án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Tuyết Mai